

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 11 – 2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đức
2. Bà Nguyễn Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương:
Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 908/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Diễm M, sinh năm 1992; Nơi ĐKNKTT: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; tạm trú tại: Số 229/9, tổ 15, khu phố B, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1991; Nơi ĐKNKTT: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú tại: Số 229/9, tổ 15, khu phố B, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 8 năm 2018, nguyên đơn - bà Đặng Diễm M trình bày:*

Bà M và ông Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 55, quyển số 01/2015 ngày 22/4/2015. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, sống không hạnh phúc.

Nhận thấy không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng không thể quay về sống đoàn tụ, hạnh phúc nên bà M khởi kiện yêu cầu giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Trần Đăng Thuyền K, sinh năm 01/7/2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn đều vắng mặt

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân và yêu cầu nuôi con chung. Rút phần yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn vắng mặt lần hai đối với việc xét xử.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Đặng Diễm M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn T và yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – ông Trần Văn T có nơi cư trú tại khu phố B, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn – ông Trần Văn T đã được Tòa án niêm yết, triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để làm việc, hòa giải, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[4] Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, xét thấy việc rút một phần yêu cầu trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[5] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Diễm M và ông Trần Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55/2015, ngày 22/4/2015 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Đặng Diễm M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T với lý do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không ai quan tâm chăm sóc ai. Từ cuối tháng 8/2018 ông Trần Văn T đã bỏ nhà đi đâu không rõ.

Quá trình tố tụng Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Đặng Diễm M và ông Trần Văn T tại nơi cư trú của vợ chồng nhưng không ai có thông tin gì về việc vợ chồng bà M và ông T mâu thuẫn. Trong suốt quá trình tố tụng ông T đều vắng mặt nên được xem là từ bỏ quyền trình bày của mình, đưa ra chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ để xem xét giải quyết.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng bà M và ông T vì bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Ông T không còn quan tâm gia đình, vợ con đã bỏ nhà đi nhiều tháng nay nên xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà M và ông T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà M và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc ly hôn với ông T.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà M yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Đặng Thuyên K. Bà M khai công việc của mình là làm nghề công nhân của Công ty TNHH EVER WIN Việt Nam. Bà M xuất trình chứng cứ là hợp đồng lao động ngày 15/3/2018 được ký kết giữa bà M và Công ty TNHH EVER WIN Việt Nam với thời hạn từ ngày 15/3/2018 đến 14/3/2020, mức lương thực lãnh tháng 6: 6.766.000 đồng; tháng 7: 7.327.000 đồng.

Như vậy căn cứ vào những chứng cứ nêu trên đủ căn cứ kết luận bà M có đủ điều kiện về kinh tế để đảm bảo cuộc sống của con. Mặt khác, kể từ khi ông T bỏ nhà đi, một mình bà M chăm sóc cháu K. Bà M chăm sóc con tốt nên cháu K phát triển bình thường và khỏe mạnh. Do vậy, Hội đồng xét xử cần giao cháu K cho bà M nuôi dưỡng, chăm sóc là đảm bảo quyền lợi chính đáng của con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Diễm M đối với ông Trần Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Diễm M được ly hôn với ông Trần Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Đăng Thuyền K, sinh ngày 01/7/2014 cho bà Đặng Diễm M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0024070 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Huỳnh Minh Trí